

Số: 1142 /SNN-VP
V/v trả lời chất vấn trực tiếp
tại kỳ họp HĐND tỉnh.

Bình Phước, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 235/HĐND ngày 05/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất nội dung chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh Sở trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh khóa X như sau:

1. Thực trạng công tác quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì, nâng cấp các công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

Trả lời:

Vấn đề này Sở Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh tại Công văn số 1103/SNN-VP ngày 04/7/2022, theo đó:

a. Công tác quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh triển khai đầy đủ các quy định của Pháp luật về thủy lợi nhằm đảm bảo an toàn hồ đập trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, phối hợp với các đơn vị quản lý công trình kiểm tra các hồ, đập, công trình thủy lợi trước, trong và sau mùa mưa lũ. Định kỳ tiến hành kiểm tra, thanh tại công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh

Để quy định cụ thể định mức chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định quy định mức chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh (*Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 18/11/2019*). Từ đó, là cơ sở để hàng năm Sở Tài chính xem xét, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí bảo trì định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do tỉnh quản lý theo quy định hiện hành.

Từ tháng 3/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT có Báo cáo số 68/BC-SNN-TL báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Trong đó đã kiến nghị UBND tỉnh xem xét sửa chữa nâng cấp 17 công trình thủy lợi bị hư hỏng xuống cấp nhằm đảm bảo an toàn cấp nước cho nhân dân với Tổng mức đầu tư là 146 tỷ đồng; thực hiện kiên cố hoá khoảng 5 km kênh mương nội đồng với Tổng mức đầu tư khoảng 22,49 tỷ đồng. Theo đó, đã được UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 1479/UBND-KT ngày 10/5/2021.

Ngoài ra, hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các bên liên quan kiểm tra các công trình thủy lợi trước, trong và sau mùa mưa lũ. Từ đó có văn bản tham mưu UBND tỉnh xem xét, sửa chữa nâng cấp các công trình thủy lợi bị hư hỏng xuống cấp có nguy cơ mất an toàn cao; đặc biệt là các công trình: hồ chứa nước NT2 – đội 7, xã Phước Minh; hồ chứa nước Suối Giai, huyện Đồng Phú; hồ chứa nước Ông Thoại, huyện Bù Đăng; hồ chứa nước Bình Hà 1, huyện Bù Gia Mập; hồ chứa nước Suối Láp, huyện Hớn Quản (*Báo cáo số 96/BC-SNN-TL ngày 06/5/2021; Tờ trình số 85/TTr-SNN-TL ngày 06/5/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 16/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh*)

- **Kết quả thực hiện sửa chữa, nâng cấp giai đoạn 2016 - 2021:** Tổng nguồn vốn thực hiện sửa chữa, nâng cấp các công trình đảm bảo an toàn hồ đập là: 85 tỷ đồng. Trong đó:

+ Nguồn vốn Trung ương: 70 tỷ đồng, thực hiện sửa chữa, nâng cấp 09 công trình.

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 15 tỷ đồng, thực hiện sửa chữa nhỏ, nâng cấp các công trình.

(*Bảng tổng hợp các công trình thủy lợi sửa chữa, nâng cấp giai đoạn 2016-2021 kèm theo*)

- **Kết quả thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi:** Công tác tổ chức duy tu, bảo dưỡng công trình do đơn vị quản lý, công việc như: phát quang cây cối khu đầu mỗi công trình, dọn tuyến kênh mương thủy lợi; nạo vét, khơi thông dòng chảy hệ thống kênh tưới do bồi lắng, sạt lở; sửa chữa thường xuyên một số hạng mục, kết cấu công trình. Đối với các công trình do tỉnh quản lý hàng năm được Công ty TNHH MTV dịch vụ Thủy lợi Bình Phước bố trí kinh phí thực hiện khoảng 03 tỷ đồng từ nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị. Các số công trình thủy lợi nhỏ do các đơn vị ngoài ngành và địa phương quản lý không được quan tâm duy tu, sửa chữa nên công trình xuống cấp.

b. Đối với các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

* **Hiệu quả sử dụng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn:** Trên địa bàn tỉnh hiện có 41 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn để cấp nước cho người dân. Các công trình đang được giao cho đơn vị quản lý, vận hành, gồm:

- Công trình giao cho các đơn vị sự nghiệp quản lý, khai thác. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước: 16 công trình. Xí nghiệp công trình công cộng thị xã Bình Long: 02. UBND các xã/thị trấn: 22 công trình. Doanh nghiệp tư nhân: 01 công trình.

Đánh giá chung: Trong số các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn đã bàn giao đưa vào sử dụng, hiện có 08 công trình hoạt động bền vững, chiếm 19.51%; tương đối bền vững 04 công trình, chiếm 10,25%; kém

bền vững 20 công trình, chiếm 51,3%; không hoạt động 08 công trình, chiếm 20,51%

*** Công tác đầu tư, sửa chữa nâng cấp, duy tu bảo dưỡng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.**

- Đối với các công trình do các đơn vị sự nghiệp công lập quản lý: Hàng năm, các đơn vị này tự cân đối nguồn kinh phí từ hoạt động để bảo trì các công trình cấp nước sạch tập trung. Tuy nhiên, hầu hết các công trình cấp nước sạch nông thôn, do nguồn kinh phí đầu tư hạn chế nên đều được thiết kế sử dụng ống loại vật liệu ống uPVC nên rất dễ vỡ. Việc thi công sửa chữa các công trình hạ tầng (đường, vỉa hè, cống thoát nước ...) dễ gây sự cố bể vỡ đường ống.

- Đối với các công trình do UBND cấp xã/thị trấn quản lý: Công tác duy tu bảo dưỡng công trình cấp nước chỉ được thực hiện với các hạng mục đơn giản như thay thế đồng ống nước, máy bơm, sự cố nguồn điện, các hạng mục khác như hệ thống xử lý, nhà quản lý, đài nước... đơn vị cấp nước không có đủ nguồn kinh phí để duy tu bảo dưỡng. Vì vậy, khi công trình cấp nước gặp sự cố các hạng mục này, các công trình cấp nước ngưng hoạt động để chờ nguồn ngân sách. Tuy nhiên, từ năm 2015 trở lại đây nguồn vốn trung ương bố trí rất hạn chế, nguồn vốn ngân sách tỉnh và vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn không bố trí để đầu tư cho lĩnh vực cấp nước dẫn đến nhiều công trình cấp nước xuống cấp, hư hỏng lâu ngày sẽ ngưng hoạt động.

c. Đánh giá chung.

Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá, giám sát của Ban Kinh tế ngân sách – Hội đồng nhân dân tỉnh (*báo cáo số 10/BC-HĐND-KTNS ngày 14/5/2018*). Từ năm 2019 đến nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã kiến nghị với Sở Tài chính hàng năm xem xét, bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện sửa chữa thường xuyên và nâng cấp, đảm bảo an toàn các công trình đang bị hỏng hóc, xuống cấp. Kết quả, tính đến hết năm 2021, nguồn kinh phí bố trí từ ngân sách tỉnh là 15,132 tỷ đồng (*Vốn sự nghiệp nông-lâm-thủy lợi: năm 2019: 3,2 tỷ đồng; năm 2020: 2,932 tỷ đồng; năm 2021: 4 tỷ đồng; Vốn từ nguồn quỹ PCTT: 4 tỷ đồng*).

Hiện nay, nguồn vốn ngân sách bố trí cho công tác duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn (*nguồn kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh khoảng 3 tỷ đồng/năm, nguồn kinh phí hoạt động từ đơn vị quản lý, khai thác 3 tỷ đồng/năm – chủ yếu phục vụ công tác nạo vét, duy tu, sửa chữa nhỏ; nguồn vốn chương trình MTQG Nước sạch và VSMT Nông thôn bị cắt giảm, vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được UBND các xã tập trung chủ yếu vào xây dựng hạ tầng đường, trường, trạm*), chưa đáp ứng được nhu cầu đề ra và theo quy định của Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh.

Nhận thức được sự cấp thiết phải sửa chữa, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn nhằm phát huy hiệu quả công trình cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, Sở Nông nghiệp và PTNT

đã tham mưu UBND tỉnh kiến nghị TW, Bộ Nông nghiệp và PTNT cho phép tỉnh Bình Phước được tham gia dự án vay vốn ngân hàng WB giai đoạn 2021-2025 để thực hiện sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi nhằm khôi phục, nâng cao năng suất phục vụ sản xuất của nhân dân (Công văn số 1075/UBND-KT ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh – đến nay, dự án chưa được Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện).

Ngoài ra, thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy về việc ban hành Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án “Nâng cấp và phát triển hệ thống thủy lợi, khai thác nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”. Hiện nay, Đề án đã được Thường trực Tỉnh ủy thông qua tại Kết luận số 357-KL/TU ngày 25/6/2022 và đang trong quá trình triển khai đề án. Theo đó, dự kiến thực hiện sửa chữa, nâng cấp:

+ 17 công trình thủy lợi bị hư hỏng (Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 148 tỷ đồng – nguồn vốn ngân sách tỉnh)

+ 08 công trình nước sạch nông thôn (Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 54 tỷ đồng – vốn ngân sách kết hợp kêu gọi đầu tư).

d. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

*** Về công trình thủy lợi.**

Đến nay, các công trình hồ đập thủy lợi trên địa bàn tỉnh đã góp phần rất quan trọng trong cấp nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên hầu hết các công trình đã được xây dựng từ lâu, có kết cấu đập đất. Có khoảng 30 công trình được xây dựng và đưa vào sử dụng trên 15 năm, một số công trình do các công ty cao su xây dựng từ những năm 1980; một số công trình đã xuống cấp, mái đập bị xói lở, sạt, trượt; thân đập xuất hiện nhiều vết thấm lớn; mặt đập xuống cấp, xuất hiện nhiều ổ gà, ổ voi gây cản trở giao thông đi lại trong vùng; lòng hồ bị bồi lắng, không đảm bảo dung tích phục vụ trong mùa khô hàng năm, không đảm bảo an toàn khi tích nước trong mùa mưa lũ. Đồng thời, một số công trình đã được đầu tư xây dựng hệ thống công trình đầu mối nhưng chưa có kinh phí để xây dựng hệ thống kênh tưới phía sau.

Các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh phần lớn nằm ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nên công tác tuyên truyền, vận động để thực hiện dự án cũng như bảo vệ công trình còn gặp nhiều khó khăn; việc lấn chiếm vẫn còn xảy ra và chưa có giải pháp xử lý triệt để, việc xử lý chỉ ở mức nhắc nhở và lập biên bản nên người dân thường xuyên tái phạm.

Một số hồ chứa do địa phương và tổ chức kinh tế quản lý, vận hành có quy mô nhỏ; công tác quản lý chưa được chú trọng, đội ngũ cán bộ thủy lợi quá mỏng, chuyên môn hạn chế, lực lượng làm công tác quản lý các công trình không được đào tạo, công tác tổ chức chưa được quan tâm, kinh phí phục vụ cho

công tác quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng rất hạn chế. Vì vậy, chất lượng các công trình thủy lợi xuống cấp nhanh, hiệu quả khai thác.

Số công trình được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, mốc hành lang bảo vệ nguồn nước các hồ chứa theo quy định của Chính phủ mới thực hiện được 04 công trình/55 công trình do Công ty TNHH MTV dịch vụ thủy lợi Bình Phước quản lý. Hồ sơ giao đất các công trình thủy lợi: Chưa thực hiện được công trình nào. Nguyên nhân là chưa có nguồn kinh phí thực hiện. Việc thực thi Pháp luật về khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi ở nhiều địa phương chưa triệt để, toàn diện, dẫn đến hành vi vi phạm xâm hại công trình thủy lợi vẫn còn tồn tại.

- *Về tổ chức quản lý nhà nước:* Chưa hình thành được hệ thống tổ chức thanh tra chuyên ngành, nên việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết, ngăn ngừa và xử phạt các hành vi vi phạm công trình thủy lợi, đề điều còn rất nhiều hạn chế. Đồng thời, việc thiếu cán bộ chuyên ngành thủy lợi ở cấp huyện, xã nên chức năng tham mưu trong quản lý phát triển thủy lợi, kiểm tra, giám sát, phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm. Một số cán bộ làm công tác thủy lợi cấp huyện, xã không được bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên, do đó thiếu thông tin, hạn chế trong việc tổ chức thực hiện các chính sách mới có liên quan.

*** Về công trình nước sạch nông thôn.**

- Chính sách khuyến khích xã hội hóa nước sạch nông thôn chưa thực sự thu hút được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, quản lý vận hành do người dân nông thôn sống phân tán, suất đầu tư cao, người dân có thói quen sử dụng nước vào mùa khô nên khó thu hồi nguồn vốn đầu tư; nguồn lực đầu tư từ ngân sách chưa đáp ứng được nhu cầu và có xu hướng giảm dần.

- Tỷ lệ công trình cấp nước kém hiệu quả, không hoạt động chiếm khá cao, các công trình đang hoạt động tiềm ẩn nhiều yếu tố thiếu bền vững; năng lực quản lý vận hành còn thiếu tính chuyên nghiệp; tình trạng hạn hán diễn ra trên phạm vi rộng và có xu hướng kéo dài làm thiếu hụt nguồn nước, việc dẫn nguồn nước từ các hồ chứa đến vùng hạn hán chưa hiệu quả; nhận thức của người dân nông thôn đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số về sử dụng nước sạch chưa có chuyển biến rõ rệt.

- Nguồn vốn sửa chữa cải tạo các công trình cấp nước tập trung cho khu vực nông thôn chưa được bố trí.

- Ngân sách dành cho công tác quản lý nhà nước về nước sinh hoạt nông thôn hạn hẹp. Hiện nay, Chi cục Thủy lợi (Sở Nông nghiệp & PTNT) hàng năm chỉ được bố trí kinh phí khoảng 600 triệu đồng/năm để duy trì duy nhất 01 nội dung theo dõi đánh giá bộ chỉ số. Còn lại các nội dung khác để thực hiện quản lý nước sinh hoạt nông thôn không được bố trí vốn, như: Công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn; Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hướng dẫn và lập, thực hiện kế hoạch bảo

đảm cấp nước tập trung nông thôn gần như không triển khai được vì không có nguồn lực.

- Một số công trình cấp nước được đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhưng không kịp thời đưa vào bàn giao sử dụng nên công trình không kịp thời hoạt động và lại hư hỏng (*hiện nay công trình cấp nước Thọ Sơn, sau khi được Ban QLDA đầu tư xây dựng tình đầu tư sửa chữa chưa hoàn thành công tác bàn giao*)

Đánh giá nguyên nhân tỷ lệ công trình cấp nước kém hiệu quả, không hoạt động cao:

- Về chủ quan: 28 công trình kém hiệu quả và không hoạt động phần lớn do UBND xã quản lý, với đội ngũ quản lý, vận hành không có đầy đủ năng lực, chuyên môn nghiệp vụ. Người dân vẫn sử dụng đồng thời nhiều nguồn nước để tiết kiệm chi phí, công tác quản lý thu chi tài chính chưa thật sự rõ ràng. Ngoài ra, một số công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn được đầu tư trước đây với công nghệ xử lý nước lọc hậu, sử dụng nhiều năm nhưng chưa được nâng cấp dẫn đến chất lượng nước không đáp ứng yêu cầu quy định hiện hành.

- Về khách quan: Công trình được đầu tư xây dựng tại khu vực có mật độ dân số thấp, nhu cầu sử dụng nước từ nước máy của người dân không lớn. (Người dân sử dụng đồng thời 2 nguồn nước từ giếng đào, giếng khoan); Tiền thu từ cung cấp nước không đảm bảo cho các khoản chi trong hoạt động quản lý, vận hành, trong khi chưa được UBND các huyện, thị quan tâm dẫn đến việc duy tu bảo dưỡng thường xuyên.

Tuổi thọ trung bình các công trình đã trên 15 năm, hoặc đã hết tuổi thọ công trình; mặt khác các công trình này đa phần sử dụng nguồn nước ngầm theo thời gian nguồn nước dần cạn kiệt và suy giảm, không đáp ứng được nhu cầu cấp nước.

đ. Một số giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

- Sở Nông nghiệp và PTNT kiến nghị HĐND tỉnh, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, xem xét đầu tư sửa chữa, nâng cấp và hiện đại hóa các công trình không đảm bảo dung tích phục vụ tưới, cấp nước trong mùa khô hàng năm và tiềm ẩn nguy cơ không đảm bảo an toàn công trình khi tích nước trong mùa mưa lũ.

- Đề nghị Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn để sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi bị hư hỏng xuống cấp; tổ chức cắm mốc và lập hồ sơ giao đất các công trình thủy lợi.

- Các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi, các ngành và địa phương thực hiện tốt các quy định pháp luật về thủy lợi đã được Trung ương và tỉnh ban hành.

- Thực hiện các hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách; thay đổi thói quen, hành vi lạc hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước, môi trường nông thôn; hướng dẫn người dân chủ động tích, trữ nước trong mùa khô hạn, ngập lụt. Huy động các

tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng tích cực tham gia truyền thông nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số: 302/KH-UBND ngày 29/9/2021 về cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 17/1/2022 về cấp nước sinh hoạt thôn giai đoạn 2021-2025.

- Về xử lý các công trình không hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả: Hầu hết là các công trình quy mô nhỏ, do các địa phương quản lý khai thác. Đề nghị cho kiểm tra rà soát lại, họp dân để xác định rõ nhu cầu, đối chiếu với quy hoạch của địa phương để đề xuất phương án cụ thể. Nếu công trình được đầu tư sửa chữa mà không hiệu quả thì đề nghị chuyển đổi mô hình quản lý hoặc thanh lý tài sản theo đúng quy định tại Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Theo đó:

+ Đánh giá hiện trạng quản lý, khai thác công trình, phân loại hoạt động công trình. Xác định giá trị còn lại của từng công trình làm cơ sở tham mưu UBND tỉnh bàn giao lại công trình cho các đơn vị quản lý, khai thác hiệu quả, bền vững.

+ Thực hiện bàn giao lại công trình theo nhóm, trong một vùng, khu vực, theo quy hoạch; không giao riêng lẻ công trình có thuận lợi khai thác. Thứ tự ưu tiên giao quản lý, vận hành công trình như sau: Giao cho doanh nghiệp, giao cho đơn vị sự nghiệp công lập, giao cho UBND cấp huyện, xã

- Về kinh phí sửa chữa, bảo trì công trình: Theo nguyên tắc công trình cấp nào quản lý, cấp đó có trách nhiệm bố trí, huy động kinh phí để sửa chữa, bảo trì công trình.

- Ngân sách các cấp cần hỗ trợ kinh phí cho việc đầu tư xây dựng, sửa chữa bảo trì các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ở vùng khó khăn về nguồn nước, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Trước hết, ưu tiên một phần kinh phí từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi... để đầu tư cho cấp nước sạch.

- Tiếp tục thực hiện cho vay vốn đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa nâng cấp các công trình cấp nước tập trung nông thôn từ Ngân hàng chính sách và các nguồn vốn xã hội hoá.

2. Thực trạng công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; các giải pháp để hoàn thành nông thôn mới nâng cao đối với 09 xã và 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2022.

Trả lời:

a. Đối với nội dung: Thực trạng công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2022:

Đến nay có 03 huyện thị, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới là: Đồng Xoài, Bình Long, Phước Long. 70 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

ĐỊ C
S
IG N
HÁT
NG T
ĐINH

08 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 06 đang trình hội đồng thẩm định. Còn 20 xã đạt từ 11-18 tiêu chí, trong đó 07 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 13 xã đạt từ 11-14 tiêu chí.

Tiếp tục triển khai xây dựng nông thôn mới nâng cao tại 9 xã. Đang cập nhật lại tiêu chí huyện nông thôn mới (theo Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ) và chỉnh sửa lại trình tự hồ sơ theo quy định mới để trình Trung ương công nhận 02 huyện Đồng Phú, Chơn Thành đạt chuẩn nông thôn mới.

Để đạt được kết quả nêu trên công tác huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực đóng vai trò vô cùng quan trọng, theo đó:

+ Đối với Ngân sách Trung ương: Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh đang đề xuất Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND phân bổ vốn đầu tư phát triển 127.180 triệu đồng và vốn sự nghiệp 41.751 triệu đồng.

+ Đối với ngân sách tỉnh 490.000 triệu đồng (đã phân bổ trả nợ mua xi măng năm 2021: 93.750 triệu đồng; Mua sắm xi măng tập trung năm 2022 là: 89.644 triệu đồng; Hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn là: 118.606 triệu đồng; Hỗ trợ 07 xã phấn đấu về đích năm 2022: 105.000 triệu đồng; Hỗ trợ 08 xã phấn đấu về đích NTM NC: 63.000 triệu đồng; Hỗ trợ huyện nông thôn mới 20.000 triệu đồng; Ngân sách huyện, xã khoảng: 927.600 triệu đồng; Doanh nghiệp và Dân đóng góp khoảng: 189.759 triệu đồng. Vốn lồng ghép từ 2 Chương trình là: 217.965 triệu đồng.

Công tác xây dựng nông thôn mới có những thuận lợi, khó khăn:

- Thuận lợi:

Hệ thống chính trị đã tích cực chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện; đã đánh giá đầy đủ, khách quan các cơ chế, chính sách trong giai đoạn 2016-2020, làm tiền đề xây dựng chính sách giai đoạn mới ngày càng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Phong trào xây dựng NTM tiếp tục lan tỏa sâu rộng và được người dân đồng tình hưởng ứng; nhận thức của người dân về xây dựng NTM ngày càng được nâng cao, người dân thực sự là chủ thể trong xây dựng NTM.

Vấn đề ưu tiên nguồn lực được thể hiện rất rõ nét: Tất cả các huyện, thị xã đều dành nguồn lực chủ đạo cho xã về đích, đây là yếu tố thuận lợi đến tiến độ hoàn thành nhiệm vụ trong xây dựng nông thôn mới.

Hệ thống thông tin tuyên truyền về nông thôn mới hoạt động phong phú, liên tục đã kịp thời phổ biến những mô hình hay, điển hình tốt về xây dựng nông thôn mới.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định, nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được các tổ chức, cá nhân áp dụng cho hiệu quả cao về kinh tế, môi trường và tạo việc làm, tăng thu nhập cho một bộ phận lao động tại địa phương.

Phát triển sản xuất gắn với liên kết theo chuỗi giá trị dần được hình thành và phát huy hiệu quả.

- Những khó khăn chủ yếu:

Nguồn lực hạn chế nên chưa đạt như kế hoạch của các xã đề ra, chất lượng một số tiêu chí NTM xã còn hạn chế.

Xi măng mua chậm và chưa phân bổ về chậm làm chậm tiến độ thi công các công trình.

Tại các xã phần lớn các tiêu chí giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa chưa đạt, đây là các tiêu chí khó do vốn đầu tư lớn, một số địa phương còn thiếu quỹ đất để xây dựng các công trình công cộng; giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh như cao su, tiêu, điều giảm, tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm gây thiệt hại nặng nề về kinh tế, từ đó việc vận động nhân dân đóng góp tiền, ngày công thực hiện xây dựng nông thôn mới ở địa phương là rất khó khăn....

Hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp đã có chuyển biến nhưng còn hạn chế về hiệu quả hoạt động; liên kết sản xuất với người dân chưa bền vững, tiềm ẩn nhiều rủi ro trong sản xuất nông nghiệp; chưa hình thành được nhiều chuỗi liên kết sản xuất bền vững; hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều Hợp tác xã nông nghiệp đang gặp khó khăn về vốn, về quản trị, quy mô sản xuất nhỏ, kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, thiếu tính chiến lược; nhiều địa phương đã xác định được sản phẩm chủ lực để tập trung phát triển nhưng thiếu sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã...

b. Đối với các giải pháp để hoàn thành nông thôn mới nâng cao đối với 09 xã:

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Chương trình tại các xã về đích nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao 2022 trên địa bàn tỉnh với tinh thần nghiêm túc, khẩn trương.

- UBND các huyện, thị chỉ đạo các phòng, ban và UBND 09 xã phấn đấu về đích nâng cao năm 2022 rà soát hiện trạng đối với quy định của bộ tiêu chí mới từ đó rà soát kế hoạch, bổ sung nhiệm vụ và nguồn lực để đạt chuẩn theo bộ tiêu chí mới.

- Tập trung giải quyết, tháo gỡ các tiêu chí khó khăn như: Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa... và có các giải pháp cụ thể để đưa 09 xã về đích NTM nâng cao theo đúng tiến độ.

- Tiếp tục khẩn trương thi công các công trình xây dựng cơ bản, phấn đấu hoàn thành sớm nhằm đủ cơ sở đánh giá và đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, xã hội. Khắc phục tối đa các diễn biến của thời tiết trong công tác thi công.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, bám sát địa phương nhằm đảm bảo các tiêu chí mềm: Môi trường, An ninh quốc phòng.

- Quan tâm đặc biệt đến các tiêu chí: Thu nhập, Môi trường & ATTP, chỉ tiêu an ninh trật tự xã hội.

HỦNG
GHIẾ
TRIE
HON
HUOC

c. Đối với 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022: Đề huyện Chơn Thành và Đồng Phú được công nhận đạt huyện NTM cần phải thực hiện các giải pháp sau:

- Khẩn trương hoàn thiện các nội dung thẩm tra.
- Khẩn trương rà soát theo bộ tiêu chí mới (Đối với tiêu chí huyện nông thôn mới áp dụng theo Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đối với tiêu chí xã nông thôn mới áp dụng theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và cụ thể hóa của tỉnh) để bổ sung nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện đi kèm.

- Rà soát lại hồ sơ theo quy định về trình tự công nhận đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025;

- Thường xuyên theo dõi, giữ mối liên hệ với Văn phòng điều phối TW, Hội đồng thẩm định TW để sớm vào kiểm tra thực địa và đánh giá hồ sơ đạt chuẩn

3. Việc tham mưu đấu thầu, ký hợp đồng và phân bổ xi măng phục vụ xây dựng đường giao thông nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chậm triển khai thực hiện, ảnh hưởng tới tiến độ xây dựng đường của các địa phương, nguyên nhân và giải pháp trong thời gian tới.

Trả lời:

a. Tiến độ công tác mua sắm xi măng tập trung:

Ngay từ đầu năm 2022, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 319/UBND-KT ngày 19/01/2022 thuận chủ trương mua sắm tập trung xi măng để thực hiện cơ chế đặc thù trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2025 và gia chỉ tiêu hỗ trợ xi măng năm 2022. Ngay sau đó đã chỉ đạo, Văn phòng điều phối có Tờ trình số 10/TTr-VPĐP ngày 20/02/2022 gửi Sở Kế hoạch & Đầu tư đề nghị thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua sắm xi măng tập trung thực hiện cơ chế đặc thù trong chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2022. Trải qua rất nhiều bước triển khai thực hiện, điều chỉnh, rà soát (có phụ lục thuyết minh kèm theo)...Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt dự toán mua xi măng tập trung tại Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 27/6/2022) và đang được Sở Kế hoạch & Đầu tư thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng xi măng.

b. Nguyên nhân và giải pháp:

- Nguyên nhân:

(1) Giá mua xi măng năm 2021: $1.250đ/kg \times 75.000.000 = 93.750.000.000$ đồng đây là giá UBND tỉnh đàm phán và nhận được sự ưu đãi của Công ty có nhà máy xi măng đóng trên địa bàn tỉnh. Chi phí vận chuyển do UBND cấp huyện chi trả, xi măng được đóng bao 50kg (loại bao 1 lớp vỏ và được in mã số để kiểm soát khi đưa vào sử dụng).

(2) Giá để đấu thầu năm 2022 là 1.435,32đ/g là giá đã được Sở Xây dựng hợp để rà soát giá và được Sở Tài chính thẩm định. Với khối lượng nhu cầu xi

măng năm 2022 là 86.000.000 kg thì kinh phí mua là 123.437.520.000 đồng.

(3) Chênh lệch giá đầu với giá ưu đãi là: 185,32đ/g với khối lượng 86.000.000kg thì số tiền mua lệch là 15.937.520.000 đồng đây là số tiền rất lớn nên Sở Kế hoạch & Đầu tư thẩm định kế hoạch đầu thầu rất kỹ lưỡng.

(4) Sau khi kế hoạch đầu thầu được phê duyệt: Chủ đầu tư (Văn phòng điều phối) sẽ thuê đơn vị tư vấn đầu thầu để chào thầu qua mạng: lập hồ sơ mời thầu (20 ngày), đánh giá hồ sơ dự thầu (20 ngày), thẩm định hồ sơ mời thầu (10 ngày), thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (10 ngày). **Tổng là 60 ngày sẽ có xi măng cho các địa phương.**

Giá mua xi măng 8 năm qua 1.250đ/kg là hình thức mua trả chậm, là giá ưu đãi được UBND tỉnh đàm phán thống nhất với nhà cung ứng có nhà máy đóng trên địa bàn, giao tại nhà máy, loại bao 1 lớp và chi phí vận chuyển do các huyện chi trả. Giá đầu thầu là 1.435,32 đ/kg là giá đã được Sở Xây dựng họp rà soát và Sở Tài chính thẩm định và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1196/QĐ-UBND ngày 27/6/2022, giá này là giá giao trên địa bàn tỉnh Bình Phước, loại bao thông thường. Từ năm 2021 do ảnh hưởng của covid19, chiến tranh... mà giá vật liệu xây dựng nói chung và giá xi măng nói riêng tăng đột biến.

- Giải pháp:

+ Đề nghị Sở Kế hoạch & Đầu tư sớm có kết quả thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức đấu thầu rộng rãi và ký hợp đồng phân bổ xi măng;

+ Đề nghị các Sở, cơ quan, cán bộ liên quan khi đến trách nhiệm của mình thì thực hiện công vụ ngay... từ đó rút ngắn thời gian ở từng bước để xi măng các năm 2023-2025 được nhanh nhất.

+ Tổ chức tổng hợp sớm nhu cầu xi măng của các địa phương để sớm trình thuận chủ trương và triển khai các bước tiếp theo (dự kiến tháng 10/2022 sẽ trình UBND tỉnh chủ trương xi măng năm 2023).

Trên đây là trả lời chất vấn của Giám đốc Sở NN và PTNT báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và đại biểu dự họp xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, HC (Q).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục: Diễn biến quá trình tổ chức mua xi măng trung của Văn phòng điều phối NTM tỉnh

Ngày/tháng	Văn bản của UBND tỉnh, Sở, ban, ngành....	Văn phòng điều phối NTM triển khai	Ghi chú
19/1/2022	UBND tỉnh thuận chủ trương tại Công văn 139/UBND-KT		
20/1/2022		Tờ trình số 10/TTr-VPĐP gửi Sở KHĐT thẩm định dự toán và kế hoạch đấu thầu	
04/03/2022	Sở Kế hoạch có Công văn 372/KHĐT-ĐT yêu cầu VPĐP tách trình phê duyệt dự toán trước, kế hoạch đấu thầu sau		
07/03/2022		Công văn số 31/VPĐP ngày 7/3 xin ý kiến SKH, STC, SXD về dự toán	
22/3/2022		Sau khi có ý kiến của Sở KHĐT trình UBND phê duyệt dự toán tại Tờ trình 34/TTr-VPĐP (lần 1)	
20/4/2022	UBND phê duyệt dự toán tại quyết định 728/QĐ-UBND		
22/4/2022		Có tờ trình số 75/TTr-VPĐP đề nghị SKH thẩm định trình UB phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (lần 1)	
5/5/2022	Sở Kế hoạch & Đầu tư có báo cáo 783/BC-SKHĐT về kết quả thẩm định: đạt yêu cầu		
31/5/2022	Công văn số 1375/VPUBND-TH về việc rà soát giá mua sắm xi măng tập trung thực hiện cơ chế đặc thù trong Chương trình MTQG xây dựng NTM		Theo quy định tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/02/2022: mức thuế GTGT áp dụng với sản phẩm xi măng là 8% (trước đây là 10%)
07/06/2022	Sơ Xây dựng đã chủ trì cuộc họp với sự tham gia của Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài Chính và Văn phòng điều phối NTM tỉnh		
08/06/2022		Văn phòng NTM đề nghị Sở Tài chính cho ý kiến lại dự toán tại Công văn số 104/VPĐP	
13/6/2022	Công văn số 1489/VPUBND-TH ngày 13/6/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về thực hiện ý kiến của Sở Xây dựng sau khi họp rà soát giá		
13/6/2022		Có tờ trình số 107/TTr-VPĐP đề nghị phê duyệt dự toán (lần 2)	
27/6/2022	Quyết định 1196/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán lần 2 (thay thế Quyết định 728/QĐ-UBND)		
27/6/2022		Tờ trình số 117/TTr-VPĐP gửi SKHĐT thẩm định kế hoạch đấu thầu (lần 2)	